

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TẠI ĐÀ NẴNG Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 258/2024/HC-PT

Ngày: 18/7/2024

V/v: “ Khiếu kiện quyết định hành  
chính về lĩnh vực quản lý đất đai”.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:

Bà Võ Thị Ngọc Dung

Ông Nguyễn Văn Tào

Các thẩm phán:

Ông Trương Minh Tuấn

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Duy Hoàng, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa:** Ông Quách Hòa Bình - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 130/2024/TLPT-HC về việc “*Khiếu kiện quyết định hành chính hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 70/2023/HC-ST ngày 16/11/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 1164/2024/QĐ-PT ngày 07 tháng 6 năm 2024, giữa các đương sự:

- **Người khởi kiện:** Bà Đoàn Thị Thùy N, sinh năm 1983; địa chỉ: Khu phố C, phường P, thành phố T, tỉnh Phú Yên.

*Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện:* Bà Phạm Bảo T, sinh năm 1986; địa chỉ: B N, phường D, thành phố T, tỉnh Phú Yên, có mặt.

- **Người bị kiện:**

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T, tỉnh Phú Yên, xin xét xử vắng mặt.

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện:*

+ Bà Nguyễn Thị Bích D - Phó Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố T, xin xét xử vắng mặt.

+ Ông Nguyễn Minh G – Phó Trưởng phòng Tư pháp thành phố T, vắng mặt.

**- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Ủy ban nhân dân thành phố T, vắng mặt.

2. Ủy ban nhân dân phường P, thành phố T, tỉnh Phú Yên, vắng mặt.

3. Vợ chồng ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1967, bà Nguyễn Thị X, sinh năm 1970; địa chỉ: Khu phố C, phường P, thành phố T, tỉnh Phú Yên, vắng mặt.

4. Vợ chồng ông Trần Hữu T1, sinh năm 1973, bà Lê Thị Yến N1, sinh năm 1974; địa chỉ: Khu phố C, phường P, thành phố T, tỉnh Phú Yên, vắng mặt.

**- Người kháng cáo:** Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T, tỉnh Phú Yên.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Người khởi kiện, người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện thống nhất trình bày:*

Bà N là chủ sử dụng thửa đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 158, TĐĐ 38 diện tích: 641,7m<sup>2</sup> (trong đó có 340m<sup>2</sup> đất ODT và 301m<sup>2</sup> đất BHK) theo GCNQSDĐ, QSHNO và tài sản khác gắn liền với đất số CI 118528, do U cấp ngày 09/2/2018 và thửa đất số 131, tờ bản đồ 38 có diện tích 688,2m<sup>2</sup> (trong đó có 200m<sup>2</sup> đất ODT và 488,2m<sup>2</sup> đất BHK) theo GCNQSDĐ, QSHNO và tài sản khác gắn liền với đất số CD 635408, do U cấp ngày 26/1/2017. Cả hai thửa đất trên đều thuộc Khu phố B, p. P, Tp ., tỉnh Phú Yên.

Tháng 8/2022, bà nhận được biên bản vi phạm hành chính số 09 ngày 11/8/2022 do UBND phường P gửi cho bà N qua đường bưu điện. Trong biên bản vi phạm hành chính số 09 xác định bà N “*có hành vi vi phạm tự ý chuyển mục đích đất từ đất BHK sang đất xây dựng nhà ở trên hai thửa đất số 131 và 158, tờ bản đồ 38....*”. Biên bản này được lập mà không có bà N tại hiện trường.

Không đồng ý với biên bản vi phạm hành chính số 09 nên bà đã làm đơn khiếu nại gửi Chủ tịch UBND phường P từ ngày 13/8/2022 nhưng từ đó đến nay Chủ tịch UBND phường P không có trả lời khiếu nại.

Bất ngờ, ngày 28/10/2022, bà nhận được Quyết định số 02/QĐ-KPHQ của Chủ tịch U buộc bà N phải khôi phục lại hiện trạng ban đầu của thửa đất trước khi vi phạm.

Bà nhận thấy quá trình lập biên bản vi phạm hành chính của UBND phường P và ra quyết định buộc khắc phục hậu quả của Chủ tịch U là không thỏa đáng và không có cơ sở pháp lý vì:

Bà là chủ sử dụng đất hợp pháp thửa đất 158 và thửa 131, tờ bản đồ số 38 tại Khu phố B, p. P, Tp ., đều đã được Nhà nước cấp GCNQSDĐ theo đúng quy định pháp luật. Sau đó, bà cũng đã làm thủ tục xin phép xây dựng và được U cấp giấy phép xây dựng số 183, ngày 28/3/2022, Như vậy, bà đã xây dựng công trình trên cơ sở giấy phép xây dựng của U chứ không phải tự ý chuyển mục đích như biên bản vi phạm hành chính số 09 xác định.

Theo 02 GCNQSDĐ mà U cấp cho bà N tại thửa 131 và 158 thì tổng diện tích đất ở tại đô thị của bà N là 540m<sup>2</sup>; 789m<sup>2</sup> đất BHK ở hai vị trí liền kề nhau. Trên cả hai GCNQSDĐ đều không có tọa độ, cũng không có cán bộ hay cơ quan nào xác định ranh giới vị trí đất ở của bà N nằm ở đâu, đất nông nghiệp nằm ở đâu, nên không có cơ sở xác định bà tự ý chuyển đổi mục đích sử dụng đất. Hiện nay toàn bộ công trình xây dựng (bao gồm công trình cũ trước đây và công trình đang bị buộc khắc phục) khoảng hơn 300m<sup>2</sup> nhưng chắc chắn không vượt quá 540m<sup>2</sup> đất ở mà Nhà nước đã công nhận cho bà.

Ngoài ra, nếu cho rằng bà xây dựng sai, buộc phải khôi phục lại hiện trạng ban đầu của đất thì tại sao các cơ quan vẫn thu tiền thuế xây dựng cơ bản và thuế TNCN đối với công trình xây dựng của bà N số tiền 23.986.270 đồng. Bà N đã thực hiện nghĩa vụ tài chính cho cơ quan nhà nước từ ngày 4/8/2022.

Gia đình bà xây dựng nhà ở từ tháng 4/2022 đến nay, mọi hoạt động đều diễn ra công khai, tại sao cán bộ phường không lập biên bản sớm hơn; không mời gia đình đến phường làm việc để ngăn chặn, đình chỉ xây dựng mà đợi đến khi bà đã xây dựng xong phần thô là nhà ở 2 mê + 01 tum mái thì mới lập biên bản vi phạm hành chính và ra quyết định buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất. Trong khi đó, UBND phường cũng gần nhà bà, sao không kịp thời phát hiện và ngăn chặn mà cố tình để cho xây dựng xong rồi bây giờ lại yêu cầu phá dỡ, là cố tình gây hậu quả, thiệt hại đặc biệt nghiêm trọng cho người dân.

Tháng 5/2022, cán bộ phường đã từng xuống hiện trường lập biên bản kiểm tra hiện trường, trong đó xác định diện tích thửa 158 xây dựng 192,76m<sup>2</sup> nhưng đến tháng 8/2022 lập biên bản vi phạm hành chính thì xác định hiện trạng xây dựng thửa 158 chỉ có: 67,76m<sup>2</sup>. Việc lập biên bản mà nội dung không thống nhất như vậy liệu có giá trị, có đáng tin hay không? Hơn nữa, biên bản vi phạm hành chính cũng không nêu quyền và thời hạn giải trình là không đúng theo quy định tại khoản 3 điều 58 Luật xử lý vi phạm hành chính 2012 (sửa đổi, bổ sung năm 2020), làm ảnh hưởng đến quyền giải trình của bà.

Hình thức quyết định buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả không đúng theo mẫu số 13 Nghị định 97/2017/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung Nghị định 81/2013/NĐ-CP về hướng dẫn thi hành Luật xử phạt vi phạm hành chính.

Với các lý do và căn cứ nêu trên, bà yêu cầu TAND tỉnh Phú Yên: Hủy biên bản vi phạm hành chính số 09/BBVPHC ngày 11/8/2022 của UBND phường P và quyết định buộc khắc phục hậu quả số 02/QĐ-KPHQ ngày 27/10/2022 của Chủ tịch U.

*Người bị kiện chủ tịch UBND thành phố T trình bày:*

Ngày 06/6/2022, phòng Quản lý đô thị có Báo cáo số 2328/QLĐT ngày 06/6/2022 (trường hợp bà Đoàn Thị Thùy N), với nội dung: *Yêu cầu UBND phường P khẩn trương rà soát, củng cố hồ sơ, xác định hành vi vi phạm hành chính của bà Đoàn Thị Thùy N và lập thủ tục xử lý theo quy định...*

Ngày 11/8/2022, UBND phường P lập Biên bản vi phạm hành chính đối với bà Đoàn Thị Thùy N với hành vi: Bà Đoàn Thị Thùy N đã có hành vi vi phạm tự ý chuyển đổi mục đích đất từ (BHK) sang đất xây dựng nhà ở trên 02 thửa đất. Tổng diện tích đất xây dựng 192,76m<sup>2</sup> với hiện trạng như sau:

- Thửa đất số 131, tờ bản đồ số 38: Nhận chuyển nhượng lại của ông Trần Hữu T1 với diện tích xây dựng: 125m<sup>2</sup>, hiện trạng và quy mô kết cấu: 02 tầng + tum mái xây dựng gạch bao, trụ và sàn bê tông cốt thép.

- Thửa đất số 158, tờ bản đồ số 38 với diện tích xây dựng 67,76m<sup>2</sup>, hiện trạng và quy mô kết cấu: 02 tầng + tum mái xây tường gạch bao, trụ và sàn bê tông cốt thép.

Qua đối chiếu hồ sơ quản lý nhà nước về đất đai tại UBND phường P (bản đồ đo đạc qua các thời kỳ, sổ mục kê, hồ sơ cấp Giấy chứng nhận) UBND phường P lập biên bản đối với hành vi vi phạm hành chính của bà N trên 02 thửa đất trên là đúng với hành vi vi phạm và hoàn toàn có căn cứ.

Trên cơ sở biên bản vi phạm hành chính do UBND phường P lập ngày 11/8/2022, UBND thành phố đã ban hành Quyết định số 02/QĐ-KPHQ ngày 27/10/2022. Tuy nhiên, qua kiểm tra hiện trạng thực tế bà Đoàn Thị Thùy N đang sử dụng đất, đối chiếu với biên bản vi phạm hành chính của UBND phường P xác định thiếu hành vi vi phạm và loại đất vi phạm nên UBND thành phố sẽ thu hồi Quyết định số 02/QĐ-KPHQ ngày 27/10/2022 và ban hành Quyết định xử lý vi phạm hành chính đối với các hành vi vi phạm của bà Đoàn Thị Thùy N theo đúng quy định. Ngày 15/11/2023, Chủ tịch UBND thành phố T đã có Quyết định số 04/QĐ-HB hủy bỏ Quyết định số 02/QĐ-KPHQ ngày 27/10/2022 của Chủ tịch UBND thành phố T.

*Người bị kiện Chủ tịch UBND phường P, thành phố T trình bày: Thống nhất theo quan điểm trình bày của Chủ tịch UBND thành phố T.*

*Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 70/2023/HC-ST ngày 16/11/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên đã quyết định:*

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Đoàn Thị Thùy N: Hủy biên bản vi phạm hành chính số 09/BBVPHC ngày 11/8/2022 của UBND phường P và quyết định buộc khắc phục hậu quả số 02/QĐ-KPHQ ngày 27/10/2022 của Chủ tịch U (Chủ tịch UBND thành phố T đã có Quyết định số 04/QĐ-HB ngày 15/11/2023 hủy bỏ Quyết định này).

Hủy bỏ Quyết định áp dụng khẩn cấp tạm thời số 01/2022/QĐ-BPKCTT ngày 08 tháng 11 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn quyết định về phần chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định.

Ngày 27/11/2023, Chủ tịch UBND thành phố T kháng cáo một phần Bản án sơ thẩm liên quan đến Biên bản vi phạm hành chính số 09/BBVPHC ngày 11/8/2022 của UBND phường P.

*\*Tại phiên tòa phúc thẩm:*

Chủ tịch UBND thành phố T có đơn xin xét xử vắng mặt và gửi văn bản trình bày ý kiến giữ nguyên kháng cáo.

Đại diện ủy quyền của người khởi kiện rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với Biên bản vi phạm hành chính.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng:

- Về thủ tục tố tụng: tại giai đoạn xét xử phúc thẩm đảm bảo đúng quy định pháp luật.

- Về nội dung: Quyết định số 02/QĐ-KPHQ ngày 27/10/2022 của Chủ tịch UBND thành phố T ban hành chưa đúng, chưa đảm bảo quy định pháp luật nhưng Người bị kiện đã ban hành Quyết định hủy bỏ Quyết định 02. Tuy Người khởi kiện không rút yêu cầu nhưng Quyết định số 02 là đối tượng khởi kiện đã được hủy nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của người bị kiện - Chủ tịch UBND thành phố T, sửa Bản án sơ thẩm, bác yêu cầu khởi kiện của Người khởi kiện liên quan đến Quyết định 02. Tại phiên tòa đại diện ủy quyền của người khởi kiện rút một phần yêu cầu khởi kiện liên quan đến Biên bản vi phạm hành chính nên đề nghị HĐXX phúc thẩm hủy, đình chỉ giải quyết đối với phần này.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên. Sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Phiên tòa xét xử vắng mặt những người tham gia tố tụng được Tòa án triệu tập hợp lệ theo quy định tại Điều 225 Luật tố tụng hành chính.

[1.2] Đối tượng khởi kiện: bà Đoàn Thị Thùy N khởi kiện yêu cầu hủy Biên bản vi phạm hành chính số 09/BBVPHC ngày 11/8/2022 của UBND phường P (viết tắt Biên bản vi phạm hành chính số 09) và Quyết định buộc khắc phục hậu quả số 02/QĐ-KPHQ ngày 27/10/2022 của Chủ tịch UBND thành phố T (viết tắt Quyết định số 02). Xét, đối với Biên bản vi phạm hành chính, không phải là đối tượng tác động trực tiếp, chưa xâm phạm đến quyền và lợi ích của đương sự nên đương sự không có quyền khiếu nại, khởi kiện, và Biên bản vi phạm hành chính chỉ là căn cứ để lập hồ sơ ban hành Quyết định xử phạt hành chính quy định tại Điều 15, Điều 57 của Luật xử phạt vi phạm hành chính. Do đó, Biên bản vi phạm hành chính số 09 không phải là đối tượng khởi kiện quy định tại khoản 2 Điều 3 Luật tố tụng hành chính. Tòa án cấp sơ thẩm xác định Biên bản vi phạm hành chính số 09 là đối tượng khởi kiện, thuộc thẩm quyền nên thụ lý giải quyết là không đúng và tại phiên tòa phúc thẩm đại diện ủy quyền người khởi kiện rút yêu cầu khởi kiện đối với Biên bản vi phạm hành chính số 09. Nên HĐXX phúc thẩm hủy và đình chỉ một phần Bản án hành chính sơ thẩm liên quan đến Biên bản vi phạm hành chính số 09. Đối với Quyết định số 02, Tòa án cấp sơ thẩm xác định đúng đối tượng, thẩm quyền và còn thời hiệu theo quy định Điều 3, Điều 32 và Điều 116 Luật Tố tụng hành chính.

[1.3] Về xác định tư cách tham gia tố tụng: Như phân tích tại mục [1.2] thì Biên bản vi phạm hành chính số 09 không phải là đối tượng khởi kiện, theo đó chấm dứt tư cách người bị kiện của UBND phường P mà tham gia tố tụng trong vụ án này với tư cách người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan. Đối với Phòng Quản lý Đô thị thành phố T là đơn vị tham mưu về chuyên môn cho UBND thành phố T và UBND thành phố T tham gia trong vụ án với tư cách là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan. Nhưng Bản án sơ thẩm xác định Phòng Quản lý Đô thị thành phố T tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là không đúng nên HĐXX phúc thẩm chấm dứt tư cách tố tụng của Phòng Quản lý Đô thị thành phố T.

[2] Nội dung:

[2.1] Ngày 11/8/2022, UBND phường P lập Biên bản vi phạm hành chính số 09 đối với bà Đoàn Thị Thùy N với hành vi: bà Đoàn Thị Thùy N đã có hành vi vi phạm tự ý chuyển đổi mục đích đất từ (BHK) sang đất xây dựng nhà ở trên 02 thửa đất. Tổng diện tích đất xây dựng 192,76m<sup>2</sup>. Căn cứ Biên bản vi phạm hành chính số 09, UBND thành phố đã ban hành Quyết định số 02/QĐ-KPHQ ngày 27/10/2022. Quá trình giải quyết vụ án, ngày 15/11/2023, Chủ tịch UBND thành phố T đã có Quyết định số 04/QĐ-HB (viết tắt Quyết định số 04) hủy bỏ Quyết định số 02/QĐ-KPHQ ngày 27/10/2022 của Chủ tịch UBND thành phố T.

[2.2] Như nhận định đánh giá tính hợp pháp của Quyết định số 02 tại Bản án hành chính sơ thẩm, từ Biên bản vi phạm hành chính số 09 đã lập không đúng theo quy định tại Điều 58 Luật xử lý vi phạm hành chính và Người bị kiện cũng thừa nhận Biên bản vi phạm hành chính của UBND phường P xác định thiếu hành vi vi phạm và loại đất vi phạm theo đó Quyết định số 02 cũng không đúng. Nhận thấy, Quyết định số 02 ban hành không đúng pháp luật nên Chủ tịch UBND thành phố thành phố T đã ban hành Quyết định số 04 hủy Quyết định số 02. Như vậy, Quyết định số 02 không còn tồn tại, quyết định không tác động trực tiếp, ảnh hưởng đến người khởi kiện bà Đoàn Thị Thùy N.

[3] Như phân tích trên, Quyết định số 02 đã được Quyết định số 04 hủy, không còn trực tiếp ảnh hưởng đến quyền, lợi ích của bà N nhưng bà không rút yêu cầu khởi kiện nên HĐXX xét cần thiết phải sửa một phần Bản án hành chính sơ thẩm, bác yêu cầu khởi kiện của bà N liên quan đến Quyết định số 02.

[3] Chấp nhận quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại phiên tòa.

[4] Về án phí và chi phí tố tụng:

[4.1] Chi phí tố tụng: Tòa án cấp sơ thẩm chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, đo đạc và chi phí tố tụng khác với số tiền 7.000.000 đồng, Bản án sơ thẩm xác định người bị kiện Chủ tịch UBND thành phố T và UBND phường P, thành phố T liên đới chịu số tiền chi phí trên. Tuy nhiên, như nhận định tại mục [1.3] UBND phường P, thành phố T không phải chịu, nghĩa vụ chịu chi phí tố tụng với số tiền trên thuộc Chủ tịch UBND thành phố T.

[4.2] Về án phí:

[4.2.1] Án phí hành chính sơ thẩm: Bản án hành chính sơ thẩm xác định người bị kiện trong vụ án này là 2 cơ quan là Chủ tịch UBND thành phố T và UBND phường P, thành phố T nhưng buộc cùng chịu 300.000 đồng là không đúng, Tòa án cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm. Tuy nhiên, như tại mục [1.3] đã

nhận định, chấm dứt tư cách người bị kiện của UBND phường P, thành phố T nên không phải chịu án phí. Chủ tịch UBND thành phố T phải chịu án phí hành chính sơ thẩm mặc dù HĐXX bác yêu cầu khởi kiện của Người bị kiện, việc bác yêu cầu là do Người bị kiện đã ban hành Quyết định hủy Quyết định hành chính bị khởi kiện.

[4.2.2] Chủ tịch UBND thành phố T kháng cáo được chấp nhận nên không phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 2 Điều 3, Điều 32, Điều 234 và Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính; Điều 15, 57 Luật xử phạt vi phạm hành chính; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên:

1. Chấp nhận kháng cáo của người bị kiện Chủ tịch UBND thành phố T, tỉnh Phú Yên, chấp nhận rút một phần yêu cầu khởi kiện của Người khởi kiện đối với Bản án hành chính sơ thẩm số 70/2023/HC-ST ngày 16/11/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên về việc “*Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*”:

1.1. Hủy Bản án hành chính sơ thẩm và đình chỉ xét xử giải quyết vụ án về phần liên quan đến Biên bản vi phạm hành chính số 09/BBVPHC ngày 11/8/2022 của UBND phường P, thành phố T, tỉnh Phú Yên.

1.2. Sửa một phần Bản án hành chính sơ thẩm liên quan đến Quyết định buộc khắc phục hậu quả số 02/QĐ-KPHQ ngày 27/10/2022 của Chủ tịch UBND thành phố T, tỉnh Phú Yên. Bác yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện bà Đoàn Thị Thúy N2 về việc yêu cầu hủy Quyết định buộc khắc phục hậu quả số 02/QĐ-KPHQ ngày 27/10/2022 của Chủ tịch UBND thành phố T, tỉnh Phú Yên do có Quyết định số 04/QĐ-HB ngày 15/11/2023 của Chủ tịch UBND thành phố T, tỉnh Phú Yên.

2. Về chi phí tố tụng và án phí hành chính:

2.1. Về chi phí tố tụng: Chủ tịch UBND thành phố T, tỉnh Phú Yên phải chịu 7.000.000 đồng tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, đo đạc và chi phí tố tụng khác tại giai đoạn sơ thẩm. Người khởi kiện đã tạm ứng số tiền này nên người bị kiện Chủ tịch UBND thành phố T phải hoàn số tiền 7.000.000 đồng cho bà Đoàn Thị Thùy N.

2.2. Về án phí: Người bị kiện không phải chịu án phí hành chính phúc thẩm 300.000 đồng, nhưng phải chịu án phí hành chính sơ thẩm 300.000 đồng, khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí tại Biên lai thu số 13278 ngày 14/12/2023 của Cục thi hành án Dân sự tỉnh Phú Yên.

3. Các phần quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận:***

- TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Phú Yên;
- VKSND tỉnh Phú Yên ;
- Cục THADS tỉnh Phú Yên ;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA, PHCTP, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*(Đã ký)*

**Võ Thị Ngọc Dung**